TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đồng.
2. Ông Nguyễn Thanh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Kim T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: Ông Đỗ Huy L, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long.
Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Thị Kim T trình bày: Bà và chồng là ông Đỗ Huy L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 15/4/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, cùng nhau chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, thời gian sau, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông L tham gia vào các tệ nạn xã hội, không chăm lo xây dựng gia đình. Bà và ông L đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại, bà không còn tình cảm với ông L, hôn nhân không thể kéo dài do không có hạnh phúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn. Về con chung: Giữa bà và ông L có 01 con chung là Đỗ Huy K, sinh ngày 07/6/2013 hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung bà T không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lưu Thị Kim T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Huy L đã được tống đạt nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 15/4/2013. Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân thời gian đầu rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L tham gia vào các tệ nạn xã hội, không chăm lo xây dựng gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại, bà không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không tìm được hạnh phúc gia đình. Từ đó, bà T xin ly hôn. Đối với ông L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Qua đó chứng tỏ ông L cũng không mong muốn được hoà giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, bà T đã khẳng định hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình...*". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà T và ông L là vợ chồng nhưng lại xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau. Hơn nữa, bà T còn khẳng định đã không còn tình cảm với ông L và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tổ chức phiên hoà giải mục đích nhằm động viên bà T và ông L đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông L thì vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Giữa bà T và ông L có 01 con chung là Đỗ Huy K, sinh ngày 07/6/2013 hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con. Ngoài ra khi được hỏi ý kiến thì Đỗ Huy K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao con chung là Đỗ Huy K cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình qui định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Xét thấy, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà T trình bày không có.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị Kim T. Bà Lưu Thị Kim T được ly hôn với ông Đỗ Huy L.

Về con chung: Giao Đỗ Huy K, sinh ngày 07/6/2013 cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001631 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Lương Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Gẩm